

Số: /BC-TTXX

Lâm Đồng, ngày 04 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 của tỉnh Lâm Đồng và đề xuất giải pháp, nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PCI, PGI năm 2024

Ngày 09/5/2024, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2023 và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) 2023; kết quả dựa trên khảo sát thường niên trên 8.000 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước (doanh nghiệp tư nhân) tại 63 tỉnh, thành trên cả nước; 1.500 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Thực hiện Kế hoạch số 8552/KH-UBND ngày 28/11/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và những năm tiếp theo; Công văn số 3936/UBND-TH3 ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phân tích làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023; Giấy mời số 184/GM-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc rà soát việc thực hiện các giải pháp khắc phục các chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);

Trên cơ sở số liệu PCI do VCCI công bố, Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là Trung tâm) đã đánh giá và phân tích; đồng thời, căn cứ nội dung phân tích của 18 sở, ban, ngành, địa phương gửi về (đến 11h15, ngày 04/6/2024), Trung tâm Báo cáo tổng hợp đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 của tỉnh Lâm Đồng và đề xuất giải pháp, nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PCI, PGI năm 2024, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ CHỈ SỐ PCI NĂM 2023 CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

Theo công bố của VCCI và USAID tại Việt Nam, năm 2023, PCI của tỉnh Lâm Đồng xếp ở vị trí 56/63 tỉnh thành với 63,44 điểm (giảm 4,18 điểm và giảm 39 bậc so với năm 2022). Tỉnh Lâm Đồng không có tên trong danh sách nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất trong PCI 2023, với các điểm số của 10 chỉ số thành phần cụ thể như sau:

Chỉ số thành phần	2022		2023		So sánh 2023/2022 tăng +, giảm -		Cơ quan được giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá (theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh).	Ghi chú
	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng		
Điểm số PCI	67,62	17	63,44	56	-4,18	-39		
(1) Gia nhập thị trường.	7,4	6	7,85	6	+0,45	0	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Đã gửi báo cáo.
(2) Tiếp cận đất đai.	7,84	3	6,43	50	-1,41	-47	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Đã gửi báo cáo.
(3) Tính minh bạch.	5,8	42	5,92	43	+0,12	-1	Sở Thông tin và Truyền thông.	Đã gửi báo cáo.
(4) Chi phí thời gian.	6,92	45	7,28	54	+0,36	-9	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC).	Chưa gửi báo cáo.
(5) Chi phí không chính thức.	7,63	9	6,52	62	-1,11	-53	Sở Nội vụ.	Đã gửi báo cáo.
(6) Cạnh tranh bình đẳng.	5,64	45	5,76	32	+0,12	+13	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Đã gửi báo cáo.
(7) Tính năng động của chính quyền tỉnh.	6,8	27	6,41	46	-0,39	-19	Sở Nội vụ.	Đã gửi báo cáo.
(8) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.	5,73	40	5,98	47	+0,25	-7	Sở Công Thương.	Đã gửi báo cáo.
(9) Đào tạo lao động.	5,66	27	5,59	40	-0,07	-13	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	Đã gửi báo cáo.
(10) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.	8,18	6	6,76	54	-1,42	-48	Sở Tư pháp.	Chưa gửi báo cáo.

* Trọng số các CSTP của Chỉ số PCI tương ứng mức 5% (CSTP 1, 3, 4), 10% (CSTP 2, 6, 9, 10) và 15% (CSTP 5, 7, 8).

- Có 05 chỉ số tăng điểm nhẹ gồm: (1) Gia nhập thị trường, (2) Tính minh

bach, (3) Chi phí thời gian, (4) Cạnh tranh bình đẳng, (5) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Trong 05 chỉ số thành phần trên, chỉ có chỉ số Gia nhập thị trường có điểm số cao hơn mức trung vị cả nước (7,85/7,32 điểm) và chỉ số Cạnh tranh bình đẳng có điểm số bằng mức trung vị (5,76 điểm); 03 chỉ số thành phần còn lại đều thấp hơn mức trung vị cả nước.

- **Có 05 chỉ số giảm điểm gồm:** (1) Tiếp cận đất đai, (2) Chi phí không chính thức, (3) Tính năng động, (4) Đào tạo lao động, (5) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Cả 05 chỉ số thành phần trên đều giảm điểm và điểm số đều thấp hơn điểm trung vị cả nước.

B. PHÂN TÍCH 10 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI NĂM 2023 TỈNH LÂM ĐỒNG

I. 05 chỉ số thành phần có sự cải thiện điểm

1. Chỉ số gia nhập thị trường (trọng số 5%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và những năm tiếp theo (Kế hoạch số 8552/KH-UBND), Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá.

- Đạt 7,85 điểm tăng 0,45 điểm so với năm 2022, tuy tăng về số điểm nhưng không tăng về thứ bậc, vẫn xếp hạng 6/63 cả nước. Chỉ số gia nhập thị trường được đánh giá bằng 19 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 1*).

Các nội dung được Sở Kế hoạch và Đầu tư phân tích tại Báo cáo số 204/BC-KHĐT ngày 03/6/2024 như sau:

- **Nhóm bao gồm 09 chỉ tiêu điểm số cải thiện và tăng hoặc duy trì thứ hạng so với năm 2022:** (1) 2,4% doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên, thấp hơn bình quân cả nước 3,44% và giảm 0,42% so với năm 2022, đứng thứ 16/63 tỉnh thành (tăng 1 bậc); (2) 76,5% doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện, cao hơn bình quân của cả nước 25,04% và tăng 4,06% so với năm 2022, đứng thứ 6/63 tỉnh thành (tăng 17 bậc); (3) 100% doanh nghiệp đồng ý rằng thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai, cao hơn bình quân cả nước 5,88% và bằng so với năm 2022, duy trì vị trí thứ 1/63 tỉnh thành; (4) 92,5% doanh nghiệp đồng ý rằng việc hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ, cao hơn bình quân cả nước 8,29% và tăng 1,07% so với năm 2022, duy trì vị trí thứ 12/63 tỉnh thành; (5) 90% doanh nghiệp đồng ý rằng cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn, cao hơn bình quân cả nước 10% và tăng 1,43% so với năm 2022, đứng thứ 9/63 tỉnh thành (tăng 1 bậc); (6) 47,2% doanh nghiệp đồng ý rằng hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ, cao hơn bình quân cả nước 1,63% và tăng 18,38% so với năm 2022, đứng thứ 24/63 tỉnh thành (tăng 10 bậc); (7) 43,1% doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, cao hơn bình quân cả nước 1,55% và tăng 16,13% so với năm 2022, đứng thứ 26/63 tỉnh thành (tăng 9 bậc); (8) 50% doanh nghiệp đồng ý rằng chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện

không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật, cao hơn bình quân cả nước 7,35% và tăng 17,31% so với năm 2022, đứng thứ 13/63 tỉnh thành (tăng 1 bậc); **(9)** 0% doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp, thấp hơn bình quân cả nước 7,55% và bằng so với năm 2022, duy trì vị trí thứ 1/63 tỉnh thành.

- **Nhóm bao gồm 05 chỉ tiêu có điểm số cải thiện, tuy nhiên giảm thứ hạng so với năm 2022, cụ thể như sau:** **(1)** Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 7 ngày, bằng bình quân của cả nước và bằng so với năm 2022, đứng thứ 32/63 tỉnh thành (giảm 2 bậc); **(2)** 82,5% doanh nghiệp đồng ý rằng cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện, cao hơn bình quân cả nước 6,89% và tăng 2,5% so với năm 2022, đứng thứ 16/63 tỉnh thành (giảm 4 bậc); **(3)** 63,4% doanh nghiệp đồng ý rằng khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cao hơn bình quân cả nước 7,53% và tăng 3,41% so với năm 2022, đứng thứ 22/63 tỉnh thành (giảm 1 bậc); **(4)** 43,1% doanh nghiệp đồng ý rằng thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định, cao hơn bình quân cả nước 0,83% và tăng 16,13% so với năm 2022, đứng thứ 35/63 tỉnh thành (giảm 2 bậc); **(5)** 43,1% doanh nghiệp đồng ý rằng quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định, thấp hơn bình quân cả nước 0,28% và tăng 14,21% so với năm 2022, đứng thứ 35/63 tỉnh thành (giảm 2 bậc).

- **Nhóm bao gồm 05 chỉ tiêu có điểm số giảm và giảm thứ hạng so với năm 2022 hoặc có thứ hạng thấp so với cả nước, cụ thể như sau:** **(1)** Thời gian đăng ký doanh nghiệp là 9,75 ngày, cao hơn bình quân cả nước 2,75 ngày và tăng 0,25 ngày so với năm 2022, đứng thứ **46/63** tỉnh thành (**tăng 4 bậc**); **(2)** 8,6% doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cao hơn bình quân cả nước 5,54% và tăng 1,67% so với năm 2022, đứng thứ **55/63** tỉnh thành (giảm 9 bậc); **(3)** 14,6% doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động, cao hơn bình quân cả nước 5,81% và tăng 6,06% so với năm 2022, đứng thứ **49/63** tỉnh thành (giảm 9 bậc); **(4)** 2,4% doanh nghiệp phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động, cao hơn bình quân cả nước 0,27% và giảm 0,42% so với năm 2022, đứng thứ **38/63** tỉnh thành (tăng 6 bậc); **(5)** 11,4% doanh nghiệp phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện, thấp hơn bình quân cả nước 1,51%, tuy nhiên tăng 3,59% so với năm 2022, đứng thứ **23/63** tỉnh thành (giảm 9 bậc).

Kết quả đạt được: Nhìn chung, Chỉ số Gia nhập thị trường tăng 0,45 điểm, cao hơn bình quân của cả nước 0,53 điểm, duy trì bậc so với năm 2022 (6/63); trong đó có 09 chỉ tiêu tăng điểm, cao hơn bình quân chung của cả nước, tăng bậc hoặc duy trì thứ bậc so với năm 2022; đạt được kết quả như trên là do các sở, ban, ngành đã chủ động phối hợp Trung tâm phục vụ hành chính công để

thực hiện các giải pháp sau:

- Phối hợp với Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng hỗ trợ cho các cá nhân/doanh nghiệp/tổ chức thực hiện Đăng ký doanh nghiệp bằng hình thức đăng ký trực tuyến qua mạng điện tử tại Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời giúp các cá nhân/doanh nghiệp/tổ chức được giảm lệ phí đăng ký doanh nghiệp khi đăng ký trực tuyến qua mạng.

- Tiến hành xây dựng, tái cấu trúc các Danh mục thủ tục hành chính bằng việc ứng dụng quét mã QR code cho toàn bộ các thủ tục hành chính của tỉnh và công khai tại TTHC tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi tiến hành cần tra cứu hồ sơ, thủ tục. Công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ¹ trên trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp thông qua ứng dụng mã QR.

- Từ tháng 5/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp Viettel Lâm Đồng thực hiện các thủ tục, nhằm hỗ trợ miễn phí cho các cá nhân/tổ chức tạo lập hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp qua mạng tại hệ thống cửa hàng của Viettel trên phạm vi toàn tỉnh. Từ tháng 7/2023 đến nay, 100% hồ sơ về đăng ký doanh nghiệp được đăng ký trực tuyến qua mạng điện tử, nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh qua hệ thống điện tử, giảm chi phí và thời gian cho cá nhân/ tổ chức khi thực hiện các thủ tục Đăng ký doanh nghiệp.

- Thực hiện nghiêm các Chỉ thị của UBND tỉnh về CCHC, qua đó tổng số hồ sơ đăng ký kinh doanh tiếp nhận trong năm 2023 là 11.847 hồ sơ, đã giải quyết sớm và đúng hạn 11.847 hồ sơ (đạt 100%).

- Từ tháng 03/2023, thực hiện Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 và Kế hoạch số 607/KH-UBND ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện chuyển giao việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của một số dịch vụ hành chính công cho Bưu điện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tổ chức tập huấn, cử CBCC có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm hướng dẫn cho nhân viên Bưu điện về trình tự, thủ tục và thành phần hồ sơ tiếp nhận theo quy định, thành lập Nhóm Zalo để kịp thời hỗ trợ bộ phận một cửa; đồng thời rà soát, kiểm tra việc thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa.

Tồn tại, hạn chế:

- Theo báo cáo thống kê, thời gian đăng ký doanh nghiệp còn cao hơn bình quân cả nước (2,75 ngày, xếp hạng 46/63); thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 7 ngày, bằng với bình quân của cả nước, xếp hạng 32/63.

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/ hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động tăng so với năm 2022, xếp vị trí rất thấp so với cả nước (lần lượt là

¹ Trong năm 2023, UBND tỉnh ban hành 46 Quyết định công bố danh mục TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ (trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định)

55/63 và 49/63).

Nguyên nhân khách quan:

- Theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23/02/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế: Việc trao đổi thông tin của doanh nghiệp phải thực hiện thông qua mạng điện tử kết nối giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế ảnh hưởng đến thời gian xử lý.

- Theo quy định tại Điều 47, Điều 70 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, đối với một số hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như thay đổi địa chỉ, giải thể phải hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định.

- Theo quy định tại Điều 207, 208, 210 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 70 của Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp, thì doanh nghiệp phải hoàn tất các thủ tục về nghĩa vụ thuế tại cơ quan thuế theo quy định trước khi thực hiện các thủ tục tại Cơ quan đăng ký kinh doanh; tuy nhiên doanh nghiệp không thực hiện theo đúng quy trình, do đó khi nộp hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp sau khi Cơ quan Đăng ký kinh doanh kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và kiểm tra thông tin hồ sơ doanh nghiệp đã kê khai đầy đủ (số ngày xử lý trong vòng từ 0,5 đến 01 ngày) thì sẽ chuyển qua Cơ quan Thuế và Cơ quan Thuế trả kết quả phản hồi với nội dung “Doanh nghiệp chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế”; do đó dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải nộp lại hồ sơ sau khi hoàn tất nghĩa vụ thuế.

- Khi doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, quy trình thực hiện hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ từ 01 đến 03 ngày, sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (pháp nhân của doanh nghiệp) doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục để đảm bảo đủ điều kiện để hoạt động như đối với các hoạt động kinh doanh có điều kiện như: thuế, đất đai, xây dựng, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự,...; do đó tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn 1 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động có chiều hướng tăng lên. Ngoài ra, một số các quy định, thủ tục hành chính về đất đai, phòng cháy chữa cháy,... hiện nay vẫn đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, doanh nghiệp cần có thời gian dài để đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

- Mặc dù chỉ tiêu “Cán bộ tại bộ phận một cửa nhiệt tình, thân thiện” tăng 2,5% nhưng giảm 4 bậc so với năm 2022. Điều này chứng minh các tỉnh, thành trong cả nước ngày càng chú trọng tới việc nâng cao sự nhiệt tình, thân thiện của cán bộ tại bộ phận một cửa trong phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân thực hiện các thủ tục liên quan đến trước và sau đăng ký doanh nghiệp còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chủ yếu thực hiện

nhệm vụ kiêm nhiệm nên còn lúng túng trong việc hỗ trợ pháp lý khi doanh nghiệp có yêu cầu.

- Công tác giải quyết hồ sơ thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký cấp phép kinh doanh có điều kiện của các sở ngành chưa thực sự thông thoáng, tỷ lệ giải quyết hồ sơ một lần chưa cao, tình trạng trả hồ sơ, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa còn nhiều.

- Các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp chưa thực sự phát huy hiệu quả, kết quả chưa cao; các sở ban ngành chưa thực sự chú trọng hỗ trợ trước và sau đăng ký doanh nghiệp.

- Trang thông tin điện tử của các đơn vị tuy đã được đầu tư được nâng cấp nhưng đôi lúc chưa đáp ứng yêu cầu; việc tìm kiếm, tra cứu các thủ tục của người dân, doanh nghiệp còn khó khăn, chưa thật sự thuận tiện.

Đề xuất nhiệm vụ giải pháp:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai đồng bộ cải thiện các chỉ số “Thời gian đăng ký doanh nghiệp”, “Tỷ lệ doanh nghiệp phải bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2 trở lên”, “Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp”, “Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện”, “Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp”, “Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp”:

- + Tăng cường phối hợp với Cơ quan Thuế nhằm tiếp tục duy trì tính ổn định, liên thông giữa hệ thống đăng ký doanh nghiệp và hệ thống thuế để đảm bảo trả kết quả đăng ký doanh nghiệp sớm hoặc trong thời hạn quy định, không có hồ sơ trễ hạn; nghiên cứu rút ngắn hơn nữa thời gian giải quyết đối với các hồ sơ thay đổi một số nội dung đăng ký doanh nghiệp đơn giản.

- + Phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công duy trì, tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ cho cá nhân, doanh nghiệp khi thực hiện thao tác đăng ký trực tuyến qua hệ thống mạng điện tử trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh quốc gia.

- + Phối hợp với Bộ phận một cửa triển khai các tiện ích phục vụ cho các tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng ký doanh nghiệp (trang bị máy tính, máy in, máy quét để doanh nghiệp lập hồ sơ và nộp hồ sơ qua mạng điện tử ngay tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng ký doanh nghiệp).

- Các sở, ngành, địa phương, Trung tâm Phục vụ Hành chính công phối hợp triển khai đồng bộ cải thiện các chỉ số “Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ”, “Doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện”, “Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định”, “Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định”, “Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật”, “Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch

kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện”:

+ Trung tâm phục vụ Hành chính công tiến hành kết nối, công khai thông tin các đầu mối thuộc các Sở, ban, ngành phụ trách những lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận kinh doanh có điều kiện để nâng cao hiệu quả phục vụ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp.

+ Sở Nội vụ thực hiện kết hợp kiểm tra công tác giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện có điều kiện trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các Sở, ban, ngành địa phương hằng năm.

+ Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương, nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ, giảm thời gian cấp phép Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành.

- “Niêm yết công khai”, “Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ”, “Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn”, “Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện”:

+ Các Sở, ngành, địa phương phối hợp với Trung tâm phục vụ Hành chính công tiếp tục thực hiện việc niêm yết công khai các TTHC trên trang thông tin điện tử của mình, ở bộ phận một cửa đối với những thủ tục thay thế, ban hành mới.

+ Sở Nội vụ phối hợp với Trung tâm phục vụ Hành chính công thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của công chức bộ phận một cửa.

+ Trung tâm phục vụ Hành chính công thường xuyên tổ chức các cuộc khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC tại bộ phận một cửa.

+ Các Sở, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện phương châm “5 biết, 3 thể hiện”².

- Chú trọng trao đổi thông tin giữa các sở, ngành, các huyện, thành phố; giữa các phòng, ban trong nội bộ cơ quan để nâng cao hiệu quả quá trình quản lý. Tiếp tục rà soát, đơn giản hoá và kiến nghị đơn giản hóa theo thẩm quyền các thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình giao dịch; đảm bảo thực thi đúng, đầy đủ những quy định về điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa.

2. Chỉ số tính minh bạch (trọng số 5%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá.

- Đạt 5,92 điểm, tăng 0,12 điểm so với năm 2022, xếp hạng 43/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, giảm 01 bậc so với năm 2022. Chỉ số Tính minh bạch được đánh giá bằng 17 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 2*)

² 5 biết gồm “Biết nghe dân nói; biết nói dân hiểu; biết làm dân tin; biết xin lỗi; biết cảm ơn”, 3 thể hiện gồm “Tôn trọng trong quan hệ giao tiếp; văn minh, lịch sự, văn hóa trong giao tiếp; gần gũi, trách nhiệm, giải quyết công việc nhanh chóng”.

Đánh giá của Sở Thông Tin và Truyền thông (Công văn số 630/STTTT-TTTHDL&CDS ngày 27/5/2024):

- Chỉ số tính minh bạch trong năm 2023 của tỉnh được đánh giá tích cực qua một số chỉ tiêu như: Tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh: 52% (năm 2022: 27%) tăng 25% so với năm 2022; xếp hạng: 13/63 tỉnh, thành phố (năm 2022: 58/63 tỉnh, thành phố) tăng 45 bậc so với năm 2022. Kết quả trên cho thấy, doanh nghiệp tiếp cận thông tin khá tích cực trên website của tỉnh để khai thác những thông tin chính thống của tỉnh Lâm Đồng trên môi trường Internet. Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh đã dần trở thành cầu nối trực tuyến gắn bó mật thiết giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Thông qua Cổng TTĐT tỉnh, người dân và doanh nghiệp có thể tiếp cận các thông tin, văn bản chỉ đạo của tỉnh chính xác nhất, qua đó, tạo thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

- Thời gian qua, Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách đề cộng đồng doanh nghiệp tỉnh tiếp cận. Trong đó chú trọng đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khai thác thông tin trên Cổng TTĐT của tỉnh cũng như các trang TTĐT các sở, ngành, địa phương. Đồng thời tăng cường phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin doanh nghiệp quan tâm, hay tìm kiếm trên Cổng TTĐT của tỉnh qua các chuyên mục như: Thông tin tra cứu, xúc tiến đầu tư, chỉ đạo của UBND tỉnh, chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thông tin về doanh nghiệp các dự án đầu tư cho Cổng TTĐT tỉnh để cập nhật thông tin thường xuyên, liên tục.

- Tuy nhiên vẫn còn hạn chế ở một số chỉ tiêu tăng điểm số nhưng giảm thứ hạng và giảm điểm số, giảm thứ hạng so với năm 2022 như: “Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích”: 39% (năm 2022: 34%) tăng 5% so với năm 2022; xếp hạng: 43/63 tỉnh, thành phố (năm 2022: 21/63 tỉnh, thành phố) giảm 22 bậc so với năm 2022; “Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích”: 57% (năm 2022: 78%) giảm 21% so với năm 2022; xếp hạng: 55/63 tỉnh, thành phố (năm 2022: 05/63 tỉnh, thành phố) giảm 50 bậc so với năm 2022; “Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích”: 41% (năm 2022: 46%) giảm 5% so với năm 2022; xếp hạng: 53/63 tỉnh, thành phố (năm 2022: 06/63 tỉnh, thành phố) giảm 47 bậc so với năm 2022; “Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích”: 53% (năm 2022: 51%) tăng 2% so với năm 2022; xếp hạng: 53/63 tỉnh, thành phố (năm 2022: 10/63 tỉnh, thành phố) giảm 43 bậc so với năm 2022; “Chất lượng website của tỉnh”: 50.13 (năm 2022: 51.31) giảm 1.18 so với năm 2022; xếp hạng: 29/63 tỉnh, thành phố (năm 2022: 38/63 tỉnh, thành phố) tăng 9 bậc so với năm 2022.

- Kết quả các chỉ số thành phần này được đánh giá dựa vào việc trả lời của các doanh nghiệp với các thông tin đưa trên website có hữu ích hay không.

Trong các chỉ số thành phần này, mặc dù điểm đánh giá một số chỉ số thành phần tăng nhưng xét về thứ hạng lại giảm. Qua đó cho thấy mức độ cải thiện thông tin trên website của tỉnh còn chậm, nhiều nội dung còn đăng tải chậm, thiếu thông tin hoặc có thông tin nhưng nội dung mơ hồ chưa rõ ràng nên doanh nghiệp chưa thể tiếp cận đầy đủ thông tin, chưa đem lại lợi ích cho doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn chưa ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào hoạt động quản lý, vận hành doanh nghiệp, vẫn theo thói quen tiếp cận thông tin theo cách trực tiếp (lấy thông tin tại cơ quan, tổ chức liên quan), không có thói quen tìm hiểu thông tin trên các website của tỉnh nên cho rằng thông tin khó tiếp cận.

- Thủ trưởng một số sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh chưa chỉ đạo quyết liệt việc ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao năng lực quản lý, điều hành tại các cơ quan, địa phương và tương tác, cung cấp thông tin phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Trách nhiệm công khai thông tin của các cơ quan đơn vị theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng trên trang thông tin của đơn vị mình chưa đảm bảo theo quy định.

- Kinh phí bố trí cho triển khai duy trì hoạt động, đặc biệt là cho tin bài của các Cổng/Trang TTĐT còn hạn chế nên nhiều hoạt động triển khai không đạt yêu cầu đề ra. Hiện nay có nhiều kênh thông tin khác để doanh nghiệp có thể tiếp cận được thông tin như Zalo, mạng xã hội... đây cũng là một lý do mà tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng cổng thông tin của cơ quan nhà nước giảm.

Đề xuất, nhiệm vụ nâng cao điểm số, thứ hạng đối với Chỉ số của Sở Thông tin và Truyền thông:

- Rà soát, cung cấp đầy đủ thông tin lên Cổng/Trang TTĐT của cơ quan, địa phương đảm bảo theo Quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Liên tục cập nhật các thông tin mới, đăng tải đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành, địa phương đã tham mưu ban hành; văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh liên quan đến lĩnh vực ngành, địa phương quản lý. Đăng tải đầy đủ các Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm theo chức năng nhiệm vụ của tỉnh, ngành, địa phương; công khai minh bạch thông tin về các tài liệu quy hoạch, đấu thầu, pháp lý, tài chính, đầu tư, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư; các thông tin chỉ đạo điều hành của chính quyền địa phương để doanh nghiệp dễ dàng tìm kiếm và nắm bắt thông tin kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tích cực đổi mới giao diện, thường xuyên nâng cấp tính năng, bố trí các mục tin một cách khoa học... tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác, tăng tính hấp dẫn của Cổng TTĐT tỉnh, đảm bảo tin tức được cập nhật nhanh chóng, chính xác, kịp

thời, tăng khả năng hữu ích của thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh thông thoáng, minh bạch, thân thiện và thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh, tạo động lực mạnh mẽ thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nhiệm vụ thực hiện cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh nói chung và chỉ số Tính minh bạch nói riêng trên Cổng TTĐT của tỉnh và các Cổng TTĐT của các cơ quan nhà nước để nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, cơ quan, đơn vị và các địa phương, để các doanh nghiệp hiểu đúng, đánh giá, nhận xét đúng về các nội dung được khảo sát và tích cực tham gia trả lời phiếu hàng năm; tăng cường tuyên truyền tới người dân và doanh nghiệp nắm được lợi ích và cách thức khi truy cập vào các Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan nhà nước để lấy thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Các sở, ngành, địa phương chủ động bám sát tài liệu hướng dẫn của các bộ, ngành để tổ chức thực hiện hiệu quả các phần việc trong cải cách hành chính; thường xuyên rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi các quy trình, thủ tục hành chính bất hợp lý, trong đó tập trung vào việc đơn giản hóa quy định, thủ tục trong các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, thuế, xuất nhập khẩu;

- Phối hợp với Cổng TTĐT tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông để tăng cường phổ biến các chủ trương, chính sách, quy trình thủ tục hành chính, trả lời doanh nghiệp trên Cổng TTĐT tỉnh; thực hiện đăng tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng TTĐT của tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm phát huy vai trò tham gia xây dựng cơ chế, chính sách của các thành phần trong xã hội.

- Tăng cường công tác tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp đa dạng qua các kênh trực tiếp và gián tiếp, như: văn bản giấy, thư điện tử, điện thoại, phản ánh qua Egov connect, hệ thống cơ sở dữ liệu/cổng thông tin các ngành, lĩnh vực, các Trung tâm điều hành thông minh (IOC)...

- Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ. Người đứng đầu các cấp, các ngành phải tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước; công khai minh bạch thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận thông tin; công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, các dự án, danh mục kêu gọi đầu tư; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư, các khoản phí, lệ phí; tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai rộng rãi ứng dụng Công dân số, kho dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh để thống nhất trong việc cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp,

tăng cường tương tác với doanh nghiệp bằng hình thức trực tuyến. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ công do cơ quan nhà nước cung cấp, tạo kênh kết nối trao đổi, tương tác giữa doanh nghiệp với chính quyền.

- Xây dựng, mở mới các kênh giao tiếp với doanh nghiệp, đưa Trang Fanpage của Cổng TTĐT tỉnh vào hoạt động trên các nền tảng mạng xã hội tạo kênh tương tác hai chiều giữa chính quyền và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy chính sách cởi mở, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động quản lý nhà nước từ đó giúp cơ quan nhà nước nhận diện đầy đủ hơn về tính hợp pháp, tính hợp lý của các quy định và những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn, đem lại lợi ích chính đáng cho doanh nghiệp.

- Tăng cường phối hợp với các sở, ban ngành và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng xây dựng các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng, nhận thức về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch số 2772/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030.

3. Chỉ số chi phí thời gian (trọng số 5%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công) là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá.

- Đạt 7,28 điểm tăng 0,36 điểm so với năm 2022, tuy tăng về số điểm nhưng giảm 9 bậc so với năm 2022 và xếp hạng 54/63 cả nước. Chỉ số Chi phí thời gian được đánh giá bằng 14 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 3*).

Đánh giá

- Mặc dù đã được các cấp chính quyền của tỉnh tích cực thực hiện cải cách hành chính, cắt giảm thời gian và nâng cao chất lượng giải quyết các thủ tục liên quan hành chính; tuy nhiên vẫn còn nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến; doanh nghiệp cho biết thủ tục giấy tờ còn chưa đơn giản; cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký; cán bộ nhà nước còn chưa thực sự thân thiện và giải quyết công việc có hiệu quả cao (tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thủ tục giấy tờ đơn giản là 73%, thấp hơn mức trung vị của cả nước là 82%, xếp vị trí 59/63 tỉnh thành; tỷ lệ DN đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước thân thiện 77% thấp hơn mức trung vị của cả nước là 87%, xếp vị trí 61/63 tỉnh thành...).

Đề xuất giải pháp để duy trì và nâng cao chỉ số: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công) tiếp tục chủ trì, phối hợp thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

- Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp theo Công điện số 968/CĐ-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ; chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các bộ, cơ quan, địa phương theo Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023

của Thủ tướng Chính phủ;

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh có liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nhằm giảm thiểu gánh nặng thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, trong giải quyết thủ tục hành chính; mỗi ngành, đơn vị, địa phương giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ cao.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ khi thực hiện các thủ tục hành chính, tăng tỉ lệ hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên, hạn chế thấp nhất tình trạng người dân, doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để bổ sung thủ tục do hướng dẫn không đầy đủ.

- Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện theo mô hình “một cửa”, “một cửa liên thông” để rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến quá trình thành lập và hoạt động của doanh nghiệp. Tăng cường công tác thanh kiểm tra nội bộ, công vụ về cải cách hành chính nhằm hạn chế tối đa những hiện tượng lợi dụng công vụ gây phiền nhiễu.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, sắp xếp hợp lý các nội dung, chương trình, kế hoạch công tác, đặc biệt đối với nội dung thanh, kiểm tra doanh nghiệp; ứng dụng hiệu quả công tác chuyển đổi số trong quản lý thuế, phí, có giải pháp phù hợp cắt giảm thời gian thực hiện các cuộc thanh, kiểm tra lĩnh vực thuế.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan với thời gian xử lý các thủ tục hành chính. Nâng cao đạo đức công vụ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Thực hiện tốt quy tắc ứng xử khi tiếp xúc với doanh nghiệp, công dân đến yêu cầu công việc, từng bước đáp ứng ngày càng cao sự hài lòng của doanh nghiệp đối với cơ quan công quyền và dịch vụ công.

- Tăng cường tiếp xúc, gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp, nhà đầu tư để lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn.

4. Chỉ số cạnh tranh bình đẳng (trọng số 10%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá.

- Đạt 5,76 điểm, tăng 0,12 điểm so với năm 2022 và tăng 13 bậc xếp hạng đạt 32/63 tỉnh, đây là chỉ số duy nhất tăng điểm và tăng thứ hạng trong PCI 2023 của tỉnh Lâm Đồng. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng được đánh giá bằng 11 chỉ tiêu (chi tiết tại Phụ lục 4).

- **Nhóm bao gồm 05 chỉ tiêu được đánh giá tốt hơn bình quân cả nước, cụ thể như sau:** (1) 58,8% doanh nghiệp đồng ý rằng tỉnh ưu tiên giải quyết các

khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, thấp hơn bình quân cả nước 2,5%, giảm 23,7% so với năm 2022 và xếp hạng 23/63 tỉnh thành (tăng 37 bậc); **(2)** 53,7% doanh nghiệp đồng ý rằng việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp, thấp hơn bình quân cả nước 2,8%, giảm 26,1% so với năm 2022 và xếp hạng 25/63 tỉnh thành (tăng 35 bậc); **(3)** 27,1% doanh nghiệp đồng ý rằng thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, thấp hơn bình quân cả nước 6,3%, tuy nhiên tăng 3,1% so với năm 2022 và xếp hạng 14/63 tỉnh thành (giảm 4 bậc); **(4)** 25,0% doanh nghiệp đồng ý rằng thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, thấp hơn bình quân cả nước 3,7%, tuy nhiên tăng 17% so với năm 2022 và xếp hạng 20/63 tỉnh thành (giảm 5 bậc); **(5)** 28,1% doanh nghiệp đồng ý rằng miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, thấp hơn bình quân của cả nước 3,2%, tuy nhiên tăng 12,1% so với năm 2022 và xếp hạng 20/63 tỉnh thành (giảm 5 bậc).

- Nhóm bao gồm 06 chỉ tiêu được đánh giá ở mức trung bình và thấp cần phải khắc phục, cụ thể như sau: **(1)** 70,3% doanh nghiệp đồng ý rằng sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác, thấp hơn bình quân cả nước 6,4%, giảm 18% so với năm 2022 và xếp hạng 59/63 tỉnh, thành (giảm 18 bậc); **(2)** 35,1% doanh nghiệp đồng ý rằng tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước, cao hơn bình quân cả nước 2,5%, tăng 16,3% so với năm 2022 và xếp hạng 40/63 tỉnh, thành (giảm 38 bậc); **(3)** 29,2% doanh nghiệp đồng ý rằng dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, cao hơn bình quân cả nước 0,8%, tăng 25,2% so với năm 2022 và xếp hạng 34/63 tỉnh, thành (giảm 33 bậc); **(4)** 33,3% doanh nghiệp đồng ý rằng thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, cao hơn bình quân cả nước 0,4%, tăng 9,3% so với năm 2022 và xếp hạng 33/63 tỉnh, thành (giảm 14 bậc); **(5)** 61,2% doanh nghiệp đồng ý rằng hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh, cao hơn bình quân cả nước 5,9%, tuy nhiên giảm 19,2% so với năm 2022 và xếp hạng 49/63 tỉnh, thành (tăng 10 bậc); **(6)** 35,4% doanh nghiệp đồng ý rằng thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, thấp hơn bình quân cả nước 0,3%, giảm 16,6% so với năm 2022 và xếp hạng 31/63 tỉnh thành (giảm 5 bậc).

Những mặt làm được:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thực hiện với nhiều hình thức như thông báo trên trang thông tin điện tử, thông báo bằng văn bản,... Nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh được triển khai phù hợp với đặc thù của ngành, qua đó giúp doanh nghiệp, người dân tiếp cận văn bản quy phạm pháp luật được thuận lợi, dễ dàng.

- Định kỳ hàng tháng, lãnh đạo UBND tỉnh tổ chức Đối thoại trực tiếp với

các doanh nghiệp, Nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc; các Doanh nghiệp, Nhà đầu tư có khó khăn trên địa bàn tỉnh đã trực tiếp trao đổi và đề nghị lãnh đạo tỉnh xem xét. Trong năm 2023, UBND tỉnh đã tổ chức 11 buổi tiếp và làm việc với doanh nghiệp, nhà đầu tư. Qua đó, đã tiếp nhận và xử lý cho 52 doanh nghiệp, nhà đầu tư với 71 lượt kiến nghị.

- Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch thông báo công khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp; gửi thông tin đến tất cả các hiệp hội, hội đại diện cho doanh nghiệp, liên minh hợp tác xã, các doanh nghiệp (theo địa email); căn cứ theo đề xuất từ các đơn vị liên quan; không phân biệt doanh nghiệp lớn hay doanh nghiệp nhỏ, không phân biệt giữa các loại hình doanh nghiệp,...

- Thực hiện công khai, minh bạch đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật về đất đai, đầu tư và đấu thầu. Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nhà ở, thương mại được tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

- Nhiều nhà đầu tư có tiềm lực đã đến tìm hiểu cơ hội đầu tư trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng khu dân cư, khu du lịch dịch vụ; một số dự án lớn đã lựa chọn được nhà đầu tư triển khai thực hiện. Trong năm 2023, đã tổ chức Hội nghị Hợp tác kinh doanh và đầu tư giữa tỉnh Lâm Đồng và Ấn Độ (ngày 31/8/2023) nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư Ấn Độ khảo sát một số dự án kêu gọi đầu tư và các trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin tại tỉnh Lâm Đồng, tiến hành ký kết 50 Biên bản ghi nhớ và Hợp đồng nguyên tắc.

Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

- Các thủ tục hành chính tuy đã được cắt giảm đáng kể, song vẫn còn một số các lĩnh vực còn phức tạp, chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các cơ quan có liên quan dẫn đến nhiều khó khăn và vướng mắc về quy trình xử lý thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, cụ thể trong các lĩnh vực về đất đai, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Tỉnh Lâm Đồng có tới 98,6% là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), việc tiếp cận, tham gia các dự án có quy mô lớn gặp khó khăn do hạn chế về năng lực kinh nghiệm, tài chính và cạnh tranh.

- Việc tiếp cận các chính sách, hỗ trợ của nhà nước chưa đầy đủ, doanh nghiệp chưa chủ động cập nhật các văn bản, các chính sách ưu đãi về thuế như miễn giảm thuế xuất thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng,...

- Để hỗ trợ người nộp thuế, Trung ương và địa phương đã ban hành một số chính sách gia hạn, miễn giảm các loại thuế, phí như gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023; Tuy nhiên, thực tế các doanh nghiệp còn rất hạn chế trong việc tiếp cận được chính sách ưu đãi về thuế với các lý do như thủ tục các gói hỗ trợ tương đối phức tạp, quy mô hỗ trợ không lớn, các giải pháp hỗ trợ chưa phù hợp, nảy sinh nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, mặc dù công tác truyền thông tương đối mạnh mẽ về các gói hỗ trợ ưu đãi thuế tuy nhiên những hướng dẫn chi tiết để được thụ hưởng ưu đãi vẫn còn nhiều bất cập; các doanh nghiệp đặc biệt là DNNVV vẫn gặp nhiều hạn chế

trong tiếp cận thông tin hướng dẫn về thủ tục này.

- Việc tuyên truyền các chính sách hỗ trợ DNNVV chưa tốt. Chính sách hỗ trợ DNNVV chưa phát huy hiệu quả, còn chưa phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

- Trong thời gian qua, tỉnh Lâm Đồng tập trung vào phát triển một số công trình, dự án trọng điểm lớn, có nhiều ảnh hưởng và khả năng tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của địa phương; vì vậy tỉnh đã tập trung thu hút các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, có năng lực để có thể triển khai hiệu quả các dự án đầu tư quan trọng.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho doanh nghiệp trong thời gian qua tuy đã được quan tâm thực hiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của thị trường.

Nhiệm vụ, giải pháp cải thiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các sở, ngành, địa phương triển khai đồng bộ việc cải thiện các chỉ số “Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác”, “Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước”, “Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước”, “Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn”, “Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp”, “Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp”:

- + Đẩy mạnh thực hiện công tác hướng dẫn, giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Đảm bảo sự công bằng, công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian hướng dẫn và nâng cao hiệu quả.

- + Xây dựng các nguyên tắc không phân biệt đối xử trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội kinh doanh và ứng xử chính sách cho các nhóm doanh nghiệp.

- + Thường xuyên đổi mới cách thức quản lý Nhà nước theo hướng tạo điều kiện thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng.

- + Đổi mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ chưa nắm được hết các nội dung hỗ trợ của cơ quan nhà nước.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành, địa phương triển khai đồng bộ cải thiện các chỉ số “Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn”, “Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn”, “Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh”:

- + Công khai các thủ tục hành chính có liên quan đến đất đai, các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, công khai rộng rãi theo quy định, tạo

điều kiện cho tất cả người dân, doanh nghiệp truy cập tìm hiểu thông tin để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo có một môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch, chính sách ổn định, thủ tục hành chính đơn giản cho doanh nghiệp.

+ Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tiếp cận các nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, chính sách ưu đãi, mặt bằng sản xuất, thủ tục hành chính,... đảm bảo minh bạch, công bằng, đúng quy định, không phân biệt đối xử, không có sự thiên vị giữa các loại hình doanh nghiệp.

+ Rà soát, loại bỏ những quy định có tính chất bất bình đẳng, không hợp lý, đảm bảo sự nhất quán giữa các quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước; đặc biệt chính sách bình đẳng về thuế và tiếp cận đất đai.

- Cục Thuế phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai đồng bộ cải thiện chỉ số “Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn”:

+ Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục về thuế, đặc biệt là tập huấn, phổ biến thông tin, tư vấn qua đường dây nóng với các khâu quyết toán thuế và khâu giải quyết thủ tục miễn giảm thuế.

+ Đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, đúng các quy định của pháp luật trong việc miễn giảm thuế TNDN cho các doanh nghiệp.

5. Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 15%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá nội dung này.

- Đạt 5,98 điểm, tăng 0,25 điểm so với năm 2022 nhưng giảm 7 bậc, xếp hạng 47/63 tỉnh, thành trên cả nước. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá bằng 13 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 5*).

Đánh giá

- Các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh đánh giá thủ tục tiếp cận mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp là dễ thực hiện; Vương mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được cơ quan nhà nước tại tỉnh giải đáp hiệu quả; nhiều doanh nghiệp được biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs.

- Tuy nhiên, một số ít doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong thủ tục tiếp cận hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường; thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; tiếp cận các chương trình đào tạo nghề cho người lao động. Tỷ lệ doanh nghiệp biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTA đạt 14%, giảm 5% so với năm 2022 (19%). Tỷ lệ đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA là thuận lợi đạt 36%, giảm 31% so với năm 2022 (67%).

Nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan; nhiệm vụ, giải pháp

của ngành Công Thương và đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo (Công văn số 1160/SCT-KHTH ngày 29/5/2024 của Sở Công Thương):

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Doanh nghiệp chưa quan tâm đúng mức đến các FTA. Mặc dù Sở Công Thương hàng năm tổ chức các lớp tập huấn, thông tin về các quy định của FTA nhưng đa số chủ doanh nghiệp cử nhân viên tham gia, còn những người có quyền quyết định trong doanh nghiệp không tham dự hoặc không kiên nghị nội dung cụ thể.

+ Doanh nghiệp chưa chủ động đề xuất những nội dung quan tâm đến FTA kiến nghị các ngành để được tư vấn, hướng dẫn cụ thể.

+ Đội ngũ công chức, viên chức tham mưu công tác hội nhập quốc tế chưa được đào tạo kỹ năng chuyên sâu để tiếp cận nguồn thông tin từ các FTA nhằm khai thác, đánh giá, phân tích, tham mưu, cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, tận dụng các lợi thế từ FTA.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Nhiều doanh nghiệp ở Lâm Đồng do năng lực tài chính hạn chế, chủ yếu chỉ tập trung cho khâu sản xuất; các thủ tục pháp lý của doanh nghiệp còn chưa được hoàn thiện, dẫn đến không đủ điều kiện để tiếp cận nguồn hỗ trợ từ cơ quan nhà nước. Đồng thời doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong đầu tư mở rộng sản xuất, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại ở nước ngoài còn hạn chế.

+ Lợi thế từ các FTA bao gồm nhiều lĩnh vực như: thuế quan, môi trường, dịch chuyển lao động, sở hữu trí tuệ,... việc cung cấp thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA sẽ được Sở, ngành, cơ quan chủ quản triển khai cụ thể. Tuy nhiên, các ngành chưa quan tâm đúng mức và chưa đề ra các giải pháp cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp thường xuyên.

- Nhiệm vụ, giải pháp của ngành Công Thương: Để nâng hạng các chỉ số thành phần, góp phần nâng cao chỉ số PCI của tỉnh, Sở Công Thương triển khai các nội dung như sau:

+ Tiếp tục tăng cường triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao kiến thức về hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng; các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết, cơ hội và thách thức từ Hiệp định thương mại tự do trong hoạt động kinh doanh với đối tác nước ngoài, giới thiệu về các khu vực thị trường,... trên phương tiện thông tin đại chúng như Báo, Đài, tổ chức các hội nghị, xuất bản bản tin, và lồng ghép trong các Hội nghị của các ngành.

+ Tiếp tục thông tin và triển khai kịp thời các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị hàng năm bằng nhiều hình thức: Website của Sở, phát hành văn bản gửi các Hội, hiệp hội, UBND các huyện, thành phố, phương tiện thông tin đại chúng,...

+ Tiếp tục tham mưu phối hợp các sở, ngành, địa phương triển khai nâng cao các chỉ số: “Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp”, “Vướng mắc trong thực

hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả”; và cải thiện các chỉ số: “Tỷ lệ doanh nghiệp có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs”, “Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi”.

+ Tổ chức các lớp chuyên đề, tập huấn để hướng dẫn kỹ năng cho doanh nghiệp về các nội dung như: hợp đồng quốc tế, hàng rào kỹ thuật, thông tin liên quan đến mở cửa thị trường, cắt giảm thuế quan, quy định tiêu chuẩn mới cần thực hiện khi các quy định của các nước thuộc FTA có phát sinh...

+ Thực hiện các chuyên đề để thông tin, định hướng đến doanh nghiệp: Phân tích, đánh giá, định hướng chuyên sâu về thị trường, ngành hàng có tiềm năng, thế mạnh của địa phương trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã, đang và sẽ ký kết; Phân tích sự ảnh hưởng của các Hiệp định FTA đến hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng có thế mạnh của tỉnh.

+ Phối hợp với Bộ, ngành liên quan tổ chức các lớp tập huấn, khóa đào tạo nâng cao kiến thức, hướng dẫn kỹ năng khai thác thông tin, lợi thế, giải đáp các thông tin liên quan đến hội nhập quốc tế nói chung, việc thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên nói riêng cho công chức viên chức làm công tác hội nhập quốc tế để đáp ứng yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp thuận lợi trong thời gian tới. Thiết lập hệ thống cung cấp thông tin, giải đáp về các FTA của mỗi ngành để kịp thời thông tin và hỗ trợ đến doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh.

- **Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo:** Các cơ quan về thuế, hải quan, nông nghiệp, khoa học công nghệ, kế hoạch và đầu tư, tài nguyên và môi trường, tài chính, lao động, quản lý các khu công nghiệp, hệ thống ngân hàng: **(1)** Thường xuyên tuyên truyền thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp về các lĩnh vực quản lý mà các FTAs mang lại cho doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp; **(2)** Thiết lập hệ thống thông tin để hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời; hàng năm có các hoạt động hỗ trợ cụ thể thuộc lĩnh vực quản lý để doanh nghiệp tiếp cận, tận dụng các lợi thế từ các FTA; **(3)** Cử bộ phận thường trực và thông tin đầu mối liên hệ trên trang web của đơn vị, để tiếp nhận và giải đáp hiệu quả những vướng mắc trong thực hiện các văn bản.

II. 05 chỉ số thành phần giảm điểm

1. Chỉ số tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất (trọng số 10%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá nội dung này.

- Đạt 6,43 điểm, giảm 1,41 điểm, giảm 47 bậc so với năm 2022, xếp hạng 50/63 tỉnh, thành trong cả nước. Đây là chỉ số giảm điểm mạnh trong 05 chỉ số giảm điểm của PCI năm 2023 của tỉnh. Chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất được đánh giá bằng 14 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 6*).

Đánh giá

- Các doanh nghiệp đánh giá tích cực tại các điểm: Tỷ lệ DN cho biết thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai tại tỉnh không dài hơn so với thời hạn được niêm yết

hoặc văn bản quy định là 53%, xếp vị trí 6/63 tỉnh thành; 63% doanh nghiệp thực hiện khảo sát phản ánh sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường trong khi mức trung vị của cả nước chỉ 59%, xếp vị trí 9/63 tỉnh thành.

- Tuy nhiên doanh nghiệp vẫn đánh giá các hạn chế như: doanh nghiệp đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất còn cao; 20% doanh nghiệp gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch, xếp vị trí 47/63 tỉnh thành; 16% doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm, xếp vị trí 38/63 tỉnh thành; thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng, xếp vị trí 42/63 tỉnh thành; cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính đất đai không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ; số ít doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất, xếp vị trí 59/63 tỉnh thành...

Giải pháp để duy trì và tăng điểm của Chỉ số Tiếp cận đất đai (Văn bản số 1332/STNMT-VP ngày 31/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường):

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và bám sát các văn bản chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; quán triệt, chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và văn hóa công sở.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tăng cường chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiêm yết công khai, minh bạch, kịp thời các quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quy hoạch xây dựng, khung giá đền bù thu hồi đất; các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư,... Kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...; Tiếp tục thực hiện rà soát các cơ chế chính sách trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhất là lĩnh vực đất đai nếu còn bất cập thì đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế và đúng theo quy định của pháp luật quy định.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Ngoài ra, UBND các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh giải quyết tốt các TTHC thuộc các lĩnh vực liên quan đến người dân như: Chứng thực, xác nhận của chính quyền, đất đai, cấp giấy phép xây dựng, các thủ tục hành chính cấp xã...; tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức đã được quy định trong khâu hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Thực hiện việc niêm yết công khai danh mục các TTHC đã được UBND tỉnh công bố tại trụ sở, bộ phận một cửa, trên Trang thông tin điện tử của đơn vị. Thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp trễ hạn hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân; xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức để xảy ra tình trạng chậm trễ hồ sơ, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện các

quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kịp thời động viên, khen thưởng các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt công tác này, đồng thời xử lý, kiến nghị xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức chưa làm hết trách nhiệm, vi phạm trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo đúng quy định.

- Thường xuyên rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính giảm chi phí, nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực tài nguyên và môi trường; cập nhật, đổi mới thông tin trên website của Sở để thông tin đến với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được kịp thời và thuận tiện hơn.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện dự án hoàn thiện hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, khoáng sản, môi trường phục vụ tốt cho công tác quản lý của ngành và tiến đến Chính phủ điện tử.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân, doanh nghiệp biết thực hiện.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng dịch vụ; công khai minh bạch các TTHC tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, trên trang thông tin điện tử của Sở, hệ thống một cửa điện tử của tỉnh.

- Một số giải pháp khác có liên quan:

- + Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện việc công khai đầy đủ các quy hoạch về xây dựng, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực để người dân, doanh nghiệp được biết; xây dựng các dự án, danh mục kêu gọi đầu tư để giúp các doanh nghiệp lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực đầu tư phù hợp với điều kiện và khả năng của mình; công khai, minh bạch và tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và áp dụng các chính sách đất đai; thực hiện nhất quán về chủ trương giao đất, cho thuê đất và các chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- + Tiến hành rà soát, kiến nghị bãi bỏ các thủ tục không cần thiết và đẩy nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất... đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện cho doanh nghiệp sớm có mặt bằng triển khai dự án đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Đồng thời, quản lý chặt chẽ các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình sử dụng đất, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác xử lý đối với các dự án, các diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng đối tượng, thẩm quyền; các dự án vi phạm chính sách đất đai, chậm tiến độ, sử dụng đất không đúng mục đích... để tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư.

- + Đẩy mạnh công tác quy hoạch sử dụng đất và quản lý quy hoạch sử dụng đất; hình thành dữ liệu thông tin về đất đai để cung cấp thuận lợi, nhanh chóng cho các doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

+ Đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động quản lý nhà nước và các dịch vụ công về đất đai, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp; quan tâm đến nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp; tổ chức tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề xã hội liên quan đến đất đai.

+ Tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường.

+ Xử lý nghiêm các trường hợp công chức, viên chức vi phạm các quy định pháp luật về quản lý đất đai; sách nhiễu, lợi dụng quyền hạn để trục lợi trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về cấp chứng nhận sử dụng đất cho doanh nghiệp và người dân.

+ Công bố công khai thủ tục liên quan đến cấp chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khi thuê đất...

+ Tạo sự công bằng trong thực hiện thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai, giải quyết khó khăn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

2. Chỉ số Chi phí không chính thức (trọng số 15%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Nội vụ là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá nội dung này.

Đạt 6,52 điểm, giảm 1,11 điểm, giảm 53 bậc so với năm 2022, xếp hạng 62/63 tỉnh, thành trong cả nước. Đây là chỉ số giảm thứ hạng nhiều nhất trong 05 chỉ số giảm điểm. Chỉ số Chi phí không chính thức được đánh giá bằng 16 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 7*).

Sở Nội vụ đánh giá, phân tích tại Văn bản số 684/SNV-CCHC&VTTLT ngày 30/5/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân làm tăng, giảm các chỉ số thành phần của Chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023:

- Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra là 20%, xếp thứ 16/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 38%, trung vị cả nước là 14%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp là 0%, xếp thứ 63/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 34%, trung vị cả nước là 9%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy là 13%, xếp thứ 60/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 39%, trung vị cả nước là 20%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường là 55%, xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 84%, trung vị cả nước là 35%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức cho cán bộ quản lý thị trường là 14%, xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 45%, trung vị cả nước là 13%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng là 17%, xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 31%, trung vị cả nước là 10%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 1% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức là 1%, xếp thứ 46/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 10,17%, trung vị cả nước là 2,54%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% doanh nghiệp) là 60%, xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 64%, trung vị cả nước là 38%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) là 75%, xếp thứ 62/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 72%, trung vị cả nước là 86%. (63 là kém nhất).

- Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng “chạy án” là phổ biến là 69%, xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 24%, trung vị cả nước là 53%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả chi phí không chính thức (%) là 37%, xếp thứ 19/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 17%, trung vị cả nước là 55%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên hoặc luôn luôn) là 39%, xếp thứ 39/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 23%, trung vị cả nước là 43%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến (% đồng ý) là 70%, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 48%, trung vị cả nước là 70%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện là 24%, xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 50%, trung vị cả nước là 19%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế là 41%, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 7%, trung vị cả nước là 24%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ chi trả “hoa hồng” là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% đồng ý) là 34%, xếp thứ 16/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 9%, trung vị cả nước là 28%. (63 là tốt nhất).

Đa số các tiêu chí đều có sự giảm sút về thứ hạng và điểm số. Có 13/16 tiêu chí thành phần dưới trung vị cả nước.

Đánh giá:

- Trong công tác triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra: Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, UBND tỉnh đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được thanh tra, kiểm tra hàng năm và yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiến hành thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm phối hợp xây dựng kế hoạch, thống nhất nội dung, phạm vi, thời điểm, thời gian triển khai thanh tra, kiểm tra đối với từng doanh nghiệp để tổ chức thực hiện; ngoài danh sách các doanh nghiệp đã được phê duyệt, các sở, ban, ngành và UBND các địa phương chỉ được thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với những doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Đồng thời, khi nhận được phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp khi có hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên quá 01 lần/năm, UBND tỉnh cũng đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời chấn chỉnh⁽³⁾.

- Đối với việc tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ nói chung và hoạt động thanh tra, kiểm tra nói riêng:

+ Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 27/10/2023 về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ của các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh, trong đó nhấn mạnh việc kiểm soát hoạt động công vụ liên quan đến phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 27/4/2023, Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 31/5/2021; các văn bản: số 4011/UBND-VX2 ngày 15/6/2021, số 1071/UBND-VX2 ngày 23/02/2022 và số 4761/UBND-VX2 ngày 30/6/2022 về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu; các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh; đồng thời, chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao vai trò, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc và tham mưu của các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh⁽⁴⁾.

- Đối với việc tổ chức thanh tra, kiểm tra công vụ, cải cách hành chính để phát hiện những hạn chế còn tồn tại nhất là trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh, trong thời gian vừa qua các cơ quan chuyên môn đã tổ chức thực hiện thanh tra công vụ để đảm bảo việc chấp hành hoạt động công vụ tại các cơ quan, đơn vị và thực hiện kiểm tra

³ Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh về Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được thanh tra, kiểm tra trong năm 2023; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh về Điều chỉnh Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được thanh tra, kiểm tra trong năm 2023.

⁴ Văn bản số 9372/UBND-VX2 ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

công tác cải cách hành chính đối với 06 đơn vị cấp huyện, 24 đơn vị cấp xã thuộc 06 huyện được kiểm tra; 05 đơn vị cấp sở và 03 đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra chuyên đề về thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, các cá nhân trực tiếp theo dõi, thực hiện thủ tục hành chính nếu để xảy ra hoạt động “cò” thủ tục hành chính về đất đai⁽⁵⁾.

- Qua thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện vụ việc liên quan đến những nhiều, tiêu cực trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Một số tồn tại, hạn chế chủ yếu liên quan đến kỹ năng, nghiệp vụ của công chức; việc phối hợp giữa các cơ quan chưa kịp thời dẫn đến trễ hạn hồ sơ, kéo dài thời gian giải quyết TTHC ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (do Trung tâm phục vụ hành chính công theo dõi): Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 852/KH-UBND ngày 09/02/2023 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, trong đó quan tâm tiên rà soát, cắt giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư, đất đai, xây dựng,... nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Các cơ quan, địa phương tích cực triển khai thực hiện và báo cáo định kỳ hàng quý theo quy định.

- Ngoài ra, để cập nhật, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết TTHC, nhất là việc thực hiện giải quyết TTHC trực tuyến và số hóa kết quả giải quyết TTHC cho cán bộ, công chức cấp xã, cán bộ làm công tác kiểm soát TTHC cấp huyện và nhân viên bưu điện (thực hiện nhiệm vụ chuyển giao tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC); ngoài 02 lớp tập huấn theo kế hoạch năm 2023, ngày 09/9/2023, UBND tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn công tác giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh với trên 500 cán bộ, công chức tham dự.

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: (1) Đội ngũ công chức, viên chức một số đơn vị còn thiếu tính chuyên nghiệp, một bộ phận chưa nêu cao tinh thần phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chất lượng tham mưu, đề xuất xử lý công việc của một số đơn vị chưa cao, một số công việc được giao xử lý chưa đảm bảo tiến độ; (2) Việc công khai, cập nhật quy hoạch sử dụng đất của các địa phương năm 2023 có khắc phục so với năm 2002, tuy nhiên chất lượng còn chưa đảm bảo (thể hiện tại Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh - PAPI); (3) Một số sai phạm trong dự án đầu tư liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh cũng ảnh hưởng không ít đến tâm lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong thực thi công vụ. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ,

⁵ Kiểm tra tại UBND các huyện, thành phố (Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện Bảo Lâm, Lâm Hà, Đam Rông, thành phố Bảo Lộc); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện Bảo Lâm, Lâm Hà, Đam Rông, thành phố Bảo Lộc; UBND các xã: Lộc Quảng, Rô Men, Phúc Thọ và phường Lộc Phát.

kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm tình trạng những nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc đối với người dân và doanh nghiệp.

- Xử lý nghiêm hành vi những nhiễu, đòi hỏi các khoản chi phí không chính thức từ doanh nghiệp trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giải quyết thủ tục hành chính nhất là về việc cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện, thanh tra, kiểm tra Thuế và thực hiện đấu thầu đối với các doanh nghiệp.

- Tạo sự công bằng trong thực hiện thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai, giải quyết khó khăn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo và đúng quy định các nội dung kế hoạch thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trong đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm của tỉnh cũng như kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với 01 doanh nghiệp; thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng. Kịp thời phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, bảo đảm sự kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp. Tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra theo đúng định hướng, kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt; nội dung thanh tra phải giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước được giao; ban hành kết luận thanh tra phải đúng thời hạn quy định.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ; Nghị quyết số 76-NQ/BCSD ngày 06/6/2023 của Ban cán sự Đảng Thanh tra Chính phủ về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý vi phạm qua thanh tra; Chỉ thị số 769/CT-TTCTP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ của các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh; các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh có liên quan...

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao vai trò, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc và tham mưu của các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước có liên quan đến các doanh nghiệp, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định, nhất là các tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ, nhất là trong các lĩnh vực: đất đai; bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất; đấu thầu; cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện; thuế...

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu các chi phí không chính thức, thực hiện rà soát, đề xuất miễn, giảm phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các địa phương thuộc tỉnh với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ các điều kiện theo quy định hiện hành cho các doanh nghiệp.

3. Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh (trọng số 15%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Nội vụ là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá nội dung này.

Đạt 6,41 điểm, giảm 0,39 điểm, giảm 19 bậc so với năm 2022, xếp hạng 46/63 tỉnh, thành trong cả nước. Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh được đánh giá bằng 09 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 8*).

Sở Nội vụ đánh giá, phân tích tại Văn bản số 684/SNV-CCHC&VTLT ngày 30/5/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân làm tăng, giảm các chỉ số thành phần của Chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023:

- Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% đồng ý) là 78%, xếp thứ 59/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 94%, trung vị cả nước là 84%. (63 là kém nhất).

- Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% doanh nghiệp) là 63%, xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 80%, trung vị cả nước là 58%. (63 là kém nhất).

- UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% đồng ý) là 76%, xếp thứ 58/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 95%, trung vị cả nước là 82%. (63 là kém nhất).

- UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% đồng ý) là 67%, xếp thứ 59/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 90%, trung vị cả nước là 77%. (63 là kém nhất).

- Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản Trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% doanh nghiệp) là 21%, xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 7%, trung vị cả nước là 20%. (63 là tốt nhất).

- Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình là 71%, xếp thứ 39/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 89%, trung vị cả nước là 74%. (63 là kém nhất).

- Các sở, ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% đồng ý) là 44%, xếp thứ 34/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ thấp nhất cả nước là 30%, trung vị cả nước là 45%. (63 là tốt nhất).

- Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% đồng ý) là 49%, xếp thứ 36/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 80%, trung vị cả nước là 52%. (63 là tốt nhất).

- Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% đồng ý) là 33%, xếp thứ 47/63 tỉnh, thành phố, tỷ lệ cao nhất cả nước là 59%, trung vị cả nước là 41%. (63 là kém nhất).

Đa số các tiêu chí thành phần có sự giảm sút về thứ hạng và điểm số. Có 6/9 tiêu chí thành phần dưới trung vị cả nước.

Đánh giá: Đối với Chỉ số này, các nội dung xoay quanh việc thực hiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại, tiếp xúc của tỉnh; chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân; năng động và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề, linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi...

Để đáp ứng, nâng cao chất lượng những nội dung trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo, ban hành các văn bản để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện như:

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 1095/UBND-TH3 ngày 16/02/2023 về việc tổ chức tiếp và làm việc với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; tại các buổi tiếp, đã tiếp nhận và xử lý 90 kiến nghị của 46 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh⁶, các vấn đề giải quyết khó khăn và phản hồi của các cơ quan nhà nước sau khi nhận được phản ánh của doanh nghiệp được giải quyết kịp thời; doanh nghiệp có kiến nghị đều nhận được trả lời bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị liên quan, góp phần nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng với cách giải quyết của các cơ quan chức năng. Đồng thời, thực hiện Công điện số 470/CD-TTg ngày 26/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4681/UBND-KH1 ngày 29/5/2023, để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện theo quy định.

- Tổ chức 11 chương trình truyền hình trực tiếp “Đối thoại về cải cách hành chính” giữa người dân và lãnh đạo các sở, ngành và 12 Chương trình “Cải cách để nâng cao sự hài lòng của người dân” tại các địa phương trong tỉnh.

- Triển khai thực hiện nhiều hình thức tuyên truyền, như: đăng tải nội dung bản tin CCHC của Chính phủ và các thông tin liên quan trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; trên hệ thống chính phủ điện tử (Egov); tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông qua các buổi sinh hoạt

⁶ Qua khảo sát doanh nghiệp lần 1 năm 2023, một số doanh nghiệp đề xuất cần có chính sách cho vay ưu đãi, hỗ trợ đặc thù đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sở hữu/quản lý, điều hành.

đầu tuần...; duy trì chuyên mục đường dây nóng tại địa chỉ: duongdaynong.lamdong.gov.vn trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng, hoạt động thông suốt 24/24h trong ngày và 07 ngày trong tuần để tiếp nhận thông tin do người dân, doanh nghiệp phản ánh cũng như đăng tải kịp thời, đầy đủ thông tin phản hồi, phúc đáp của các cơ quan, địa phương về việc giải quyết các thông tin được phản ánh, kiến nghị - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh theo dõi. Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC và chuyển đổi số năm 2023 với hơn 80.000 lượt người tham gia dự thi, góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung trong công tác CCHC và chuyển đổi số, giúp người dân, tổ chức gần hơn với các chủ trương, chính sách, quy định của các cơ quan hành chính, chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Ngoài ra, để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên địa bàn tỉnh, ngày 12/10/2023, UBND tỉnh đã đưa Trung tâm thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh (IOC) vào vận hành hoạt động. Trung tâm điều hành thông minh của các huyện, thành phố cũng được triển khai thực hiện một cách đồng bộ.

Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: (1) Đội ngũ công chức, viên chức một số đơn vị còn thiếu tính chuyên nghiệp, một bộ phận chưa nêu cao tinh thần phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chất lượng tham mưu, đề xuất xử lý công việc của một số đơn vị chưa cao, một số công việc được giao xử lý chưa đảm bảo tiến độ; **(2)** Việc công khai, cập nhật quy hoạch sử dụng đất của các địa phương năm 2023 có khắc phục so với năm 2002, tuy nhiên chất lượng còn chưa đảm bảo (thể hiện tại Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh - PAPI); **(3)** Một số sai phạm trong dự án đầu tư liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh cũng ảnh hưởng không ít đến tâm lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và lãnh đạo các huyện, thành phố chủ động nghiên cứu, nắm vững các quy định của pháp luật; phát huy tính năng động, nhạy bén và vận dụng sáng tạo, linh hoạt các quy định của Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trên địa bàn; chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện để phát triển doanh nghiệp và các thành phần kinh tế ở địa phương.

- Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ của Tổ công tác đối thoại và giải quyết kiến nghị, khó khăn của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên rà soát các nhiệm vụ theo kế hoạch để tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và lãnh đạo các huyện, thành phố thường xuyên nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực và địa bàn quản lý.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong việc giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của doanh nghiệp, chủ động giải quyết các kiến nghị thuộc trách nhiệm và thẩm quyền, không đùn đẩy trách nhiệm. Đối với các nội dung vượt quá thẩm quyền hoặc thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan, địa phương, đơn vị phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết, không để kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Xây dựng, đổi mới phương thức tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến người dân, doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải kịp thời ban hành, đăng tải các văn bản có liên quan đến nhiệm vụ được giao lên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương mình đảm bảo theo quy định.

- Tăng cường việc tiếp cận đất đai đối với doanh nghiệp và các tổ chức thông qua việc cập nhật, đăng tải kịp thời quy hoạch sử dụng đất tại Cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương.

4. Chỉ số đào tạo lao động (trọng số 10%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá nội dung này.

- Đạt 5,59 điểm, giảm 0,07 điểm so với năm 2022, xếp thứ 40/63 tỉnh, thành trong cả nước, giảm 13 bậc xếp hạng so với năm 2022. Chỉ số Đào tạo lao động được đánh giá bằng 11 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 9*).

Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội báo cáo, phân tích tại Báo cáo số 109/BC-SLĐTBXH ngày 31/5/2024 Báo cáo rà soát việc thực hiện các giải pháp khắc phục chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI):

Các chỉ tiêu năm 2023 tăng so với năm 2022 (01 chỉ tiêu):

- Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp năm 2022 (20.49%) năm 2023 (21.80%).

- Nguyên nhân tăng: **(1)** Việc phát huy hiệu quả tổ chức đa dạng hình thức Phiên giao dịch việc làm đến các địa phương, thông tin tuyển dụng lao động của doanh nghiệp được công khai rộng rãi trên các thông tin đại chúng; **(2)** Hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay đã chuyển dần theo xu hướng đào tạo nghề kết hợp với nhu cầu của thị trường lao động, trên cơ sở nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp; **(3)** Ngành nghề đào tạo các trình độ ngày càng đa dạng, giúp người học có nhiều lựa chọn ngành, nghề học. Hàng năm tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng ngày càng đáp ứng nhu cầu tuyển dụng nhân sự của doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu năm 2023 giảm so với năm 2022:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo/số lao động chưa qua đào tạo đạt 42% (năm 2022: 53%); tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động 63% (năm 2022: 69%); tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt 24% (năm 2022: 38%); phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động 60% (năm 2022: 61%); doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ giới thiệu

việc làm (GTVL) tại tỉnh 19% (năm 2022: 23%); doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL 5.3% (năm 2022: 6.09%); doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL 4.2% (năm 2022: 7.68%).

- Nguyên nhân giảm:

+ Việc hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động tại các doanh nghiệp thực hiện theo Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ngày 05/12/2013 về hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên đến năm 2020, Quyết định số 56/2013/QĐ- UBND hết hiệu lực do đó tạm dừng việc hỗ trợ đào tạo nghề tại Doanh nghiệp.

+ Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo tại doanh nghiệp từ Quỹ hỗ trợ đào tạo nghề tỉnh Lâm Đồng đã công khai rộng rãi tới các doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo nghề tại doanh nghiệp tuy nhiên đến nay chưa có doanh nghiệp nào có nhu cầu

+ Do tình hình kinh tế sau đại dịch Covid 19 bị suy giảm do đó các đơn hàng của các doanh nghiệp cũng giảm dẫn đến nhu cầu đào tạo lao động của doanh nghiệp cũng hạn chế.

+ Quỹ hỗ trợ đào tạo nghề cho vay theo hình thức phải hoàn trả vốn do đó các doanh nghiệp chưa có nhu cầu cao.

+ Theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có từ năm 2021, nhưng đến năm 2024 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mới được bố trí kinh phí 300 triệu để thực hiện việc hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nghề.

+ Hiện nay Trung tâm Dịch vụ việc làm Lâm Đồng đã triển khai mạnh việc xây dựng các bảng thông tin thị trường lao động đặt tại các vị trí thuận lợi trên địa bàn các huyện, người lao động và doanh nghiệp có thể trực tiếp đăng ký thông tin tại địa bàn các huyện mà không qua dịch vụ của Trung tâm dịch vụ việc làm Lâm Đồng.

+ Thông tin về người tìm việc, việc tìm người đã được đăng tải công khai trên hệ thống website của Trung tâm Dịch vụ việc làm Lâm Đồng do đó người lao động và doanh nghiệp có thể tìm kiếm thông tin thông qua website mà không phải trực tiếp đến Trung tâm dịch vụ việc làm Lâm Đồng.

+ Thông tin về tuyển dụng việc làm hiện nay đã được các doanh nghiệp truyền tải thông qua nhiều kênh mạng xã hội như Zalo, Facebook, Website... của doanh nghiệp do đó người lao động cũng dễ tiếp cận được thông tin và có thể liên hệ trực tiếp với nhà tuyển dụng.

Giải pháp:

- Căn cứ vào Bảng thông tin thị trường lao động do Trung tâm Dịch vụ việc làm đã công bố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tập trung chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo những ngành nghề phù hợp với nhu cầu của

thị trường lao động, nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nguồn lao động trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu thị trường cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề; hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp mới thành lập tiếp cận nguồn lao động, nhất là thông qua sàn giao dịch Trung tâm Dịch vụ việc làm để tư vấn, kết nối cung - cầu lao động.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề trong doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo mới đào tạo lại trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ việc làm đẩy mạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho doanh nghiệp có nhu cầu, phối hợp cùng doanh nghiệp trực tiếp tư vấn hướng nghiệp, việc làm, tuyển sinh, tuyển lao động.

- Rà soát lại thủ tục hành chính công thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất, điều chỉnh các thủ tục hành chính và rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

5. Chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (trọng số 10%)

- Theo Kế hoạch số 8552/KH-UBND, Sở Tư pháp là cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ theo dõi, đánh giá nội dung này.

- Đạt 6,76 điểm, giảm 1,42 điểm, giảm 48 bậc so với năm 2022, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố. Đây là chỉ số giảm nhiều điểm nhất trong 05 chỉ số giảm điểm của PCI 2023 của tỉnh. Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT được đánh giá bằng 18 chỉ tiêu (*chi tiết tại Phụ lục 10*).

- Đánh giá: 81% doanh nghiệp đồng ý đánh giá phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng, thấp hơn mức trung vị của cả nước là 88%, xếp 58/63 tỉnh thành; 88% doanh nghiệp đồng ý đánh giá phán quyết của tòa án là công bằng, thấp hơn mức trung vị của cả nước là 93%, xếp 54/63 tỉnh thành...

- Đề xuất giải pháp để nâng cao chỉ số:

- + Tòa án các cấp chú trọng nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giải quyết, xét xử các vụ án, đảm bảo quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- + Công an tỉnh thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Chính phủ về công tác bảo đảm an ninh, trật tự (ANTT); đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành giải quyết ngay từ đầu, ổn định từ sớm các vụ việc nổi lên liên quan ANTT, tạo môi trường an ninh, an toàn cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và nhà đầu tư...

C. TRUNG TÂM ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NHIỆM VỤ NHẪM CẢI THIẾN CHỈ SỐ PCI 2024

Trên cơ sở báo cáo, phân tích số điểm đạt được và nguyên nhân dẫn đến các chỉ số thành phần bị đánh giá thấp điểm, giảm điểm trong năm 2023 so với năm 2022 và đề xuất của các sở, ngành, Trung tâm kính đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan thực

hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục nâng cao Chỉ số PCI năm 2024 của tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 5/1/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Kế hoạch số 8552/KH-UBND ngày 28/11/2021 của UBND tỉnh về cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 và những năm tiếp theo nhằm giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp, đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tập trung rà soát giải quyết dứt điểm, hiệu quả những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp hoặc các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp đã phản ánh.

- UBND tỉnh tiếp tục duy trì công tác đối thoại, giải quyết những vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp và của các nhà đầu tư, nhất là về thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư.

- Thực hiện chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Người đứng đầu các Sở, ngành, địa phương phải quán triệt, triển khai tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát huy tinh thần trách nhiệm, sự năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

- Đảm bảo trật tự an toàn xã hội: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng chống tội phạm; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và tăng cường sự giám sát của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính quyền các cấp tại địa phương đối với việc quản lý và hỗ trợ các nhà đầu tư thực hiện dự án, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

- Tổ chức đa dạng hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư, các dự án có quy mô phù hợp với quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030 theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phát huy tốt các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Các cơ quan truyền thông, các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp tỉnh, các Chi hội doanh nghiệp các huyện, thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp.

D. CHỈ SỐ PGI TỈNH LÂM ĐỒNG 2023

1. Kết quả chỉ số PGI tỉnh Lâm Đồng năm 2023

Chỉ số PGI có 4 chỉ số thành phần theo thứ tự các hoạt động truyền thông đến các hoạt động mới nhất và mang nhiều kỳ vọng. Cụ thể:

1.1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (cho doanh nghiệp) đo lường cơ sở hạ tầng cơ bản và các dịch vụ công do chính quyền tỉnh cung cấp nhằm giảm thiểu rủi ro gây ra bởi thiên tai và biến đổi khí hậu cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu đo lường các nỗ lực của chính quyền tỉnh nhằm thúc đẩy các tiêu chuẩn an toàn môi trường thông qua ban hành các chính sách, quy định có chất lượng tốt, thực hiện công tác thanh tra kiểm tra môi trường hợp lý và thực thi pháp luật nghiêm túc đối với các trường hợp vi phạm.

1.3. Thúc đẩy thực hành xanh đo lường vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trên hai khía cạnh: (1) mua sắm xanh và (2) hướng dẫn, phổ biến về các quy định pháp luật môi trường có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

1.4. Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường đánh giá mức độ doanh nghiệp có thể tiếp cận và thụ hưởng các chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến các thực hành và kinh doanh xanh do chính quyền địa phương triển khai. Chỉ số PGI sẽ góp phần hỗ trợ chính quyền các tỉnh, thành phố đánh giá, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản trị môi trường tại các địa phương. Tuy điểm số PGI 2023 của Lâm Đồng có tăng điểm nhưng Lâm Đồng cũng không có tên trong bảng xếp hạng nhóm 30 tỉnh, thành có chất lượng quản trị môi trường tốt. Các điểm số cụ thể như sau:

Chỉ số thành phần	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2023/2022 (tăng +, giảm -)
Điểm số PGI	14,43	20,79	+6,36
(1) Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (cho doanh nghiệp).	3,34	6,98	+3,64
(2) Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu.	5,13	5,15	+0,02
(3) Thúc đẩy thực hành xanh.	4,27	3,78	-0,49
(4) Chính sách ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường.	1,69	4,88	+3,19

* Mỗi chỉ số thành phần được gán trọng số bằng nhau là 25%; tổng điểm tối đa của Chỉ số PGI là 40 điểm.

Trong 04 chỉ số thành phần của chỉ số PGI:

+ Có 03 chỉ số tăng điểm là:

(1) Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (cho doanh nghiệp): đạt 6,98 điểm, tăng 3,64 điểm, xếp hạng 30/63 cả nước.

(2) Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu: đạt 5,15 điểm, tăng 0,02 điểm, xếp hạng 50/63 cả nước.

(3) Chính sách ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường: đạt 4,88 điểm, tăng 3,19 điểm, xếp hạng 44/63 cả nước.

Tuy có tăng điểm số nhưng chỉ có duy nhất một chỉ số có điểm số cao hơn trung vị là Chỉ số Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (cho doanh nghiệp), là 6,98/6,80, còn lại các điểm số đều thấp hơn trung vị cả nước.

+ Có 01 chỉ số thành phần giảm điểm là Chỉ số Thúc đẩy thực hành xanh: đạt 3,78 điểm, giảm 0,49 điểm.

2. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chỉ số PGI của tỉnh năm 2024

- Đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, có công nghệ hiện đại; các dự án đầu tư xanh, thân thiện với môi trường; có chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút đầu tư phù hợp đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo.

- Lồng ghép vấn đề bảo vệ môi trường, kinh tế xanh vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đặt vấn đề bảo vệ môi trường vào một vị trí trọng tâm hơn trong các kế hoạch kinh tế.

- Huy động sự tham gia của các bên liên quan trong xây dựng, thực thi và giám sát chính sách hoặc các hoạt động liên quan đến môi trường (phối hợp với các doanh nghiệp du lịch, các trường đại học, các tổ chức cộng đồng thực hiện các chương trình như tuần lễ xanh, tuần lễ thu gom rác, phong trào không dùng túi nilon...).

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý, bảo vệ rừng theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đề án của UBND tỉnh; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định. Chú trọng công tác tuần tra, cảnh báo, thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng.

Thực hiện tốt kế hoạch trồng rừng, trồng 50 triệu cây xanh giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách bảo vệ môi trường đến mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị và người dân. Phát huy vai trò giám sát của người dân, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội.

Trên đây là Báo cáo đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 của tỉnh Lâm Đồng và đề xuất giải pháp, nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PCI, PGI năm 2024, Trung tâm kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Kèm theo Bảng tổng hợp Danh sách các đơn vị gửi báo cáo phân tích và các văn bản, số liệu liên quan)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng, TTTT;
- Website: dalat-info.gov.vn;
- Lưu: VT, ĐTDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Vĩnh Quảng

PHỤ LỤC 1: CHỈ SỐ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 1: Gia nhập thị trường	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện	Thủ tục bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (%DN Đồng ý)	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (%DN Đồng ý)	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu chuyên môn (%DN Đồng ý)	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (%DN Đồng ý)	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý)
Năm 2023	7.85	9.75	2%	7	76%	100%	93%	90%	82%	63%
Thấp nhất	6.57	3	0%	2	16%	52%	47%	38%	16%	11%
Trung vị	7.32	7	6%	7	51%	94%	84%	80%	76%	56%
Cao nhất	8.20	14	14%	17	81%	100%	100%	100%	100%	91%
Xếp hạng	6	46	16	32	6	1	12	9	16	22

Chỉ tiêu	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (%DN Đồng ý)	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN đồng ý)	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/ hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Tỷ lệ DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)
Năm 2023	47%	43%	43%	43%	50%	9%	0%	11%	15%	2%
Thấp nhất	23%	23%	24%	22%	22%	0%	0%	5%	0%	0%
Trung vị	46%	42%	43%	42%	43%	3%	8%	13%	9%	2%
Cao nhất	62%	59%	66%	56%	56%	16%	45%	25%	27%	11%
Xếp hạng	24	26	35	28	13	55	1	23	49	38

PHỤ LỤC 2: CHỈ SỐ TÍNH MINH BẠCH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 3: Tính Minh bạch	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy Minh bạch trong đấu thầu (%)	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (%)	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (%)	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (%)
Năm 2023	5.92	2.87	3.09	51%	27%	5	39%	57%	41%
Thấp nhất	5.00	2.65	2.77	21%	15%	1	24%	34%	26%
Trung vị	6.09	2.94	3.11	42%	44%	3	47%	69%	52%
Cao nhất	7.28	3.36	3.63	74%	87%	10	79%	91%	79%
Xếp hạng	43	49	36	19	54	42	43	55	53

Chỉ tiêu	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (%)	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh" (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (%)	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (%)	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)
Năm 2023	53%	39%	46%	41%	68%	28%	32%	50.13	52%
Thấp nhất	28%	14%	21%	15%	48%	10%	10%	25.00	23%
Trung vị	64%	32%	43%	35%	70%	32%	32%	48.04	45%
Cao nhất	82%	65%	76%	65%	92%	57%	57%	64.00	67%
Xếp hạng	53	51	39	49	36	45	34	29	13

PHỤ LỤC 03: CHỈ SỐ CHI PHÍ THỜI GIAN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 4: Chi phí thời gian	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước thân thiện (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biể phí, lệ phí được công khai (%)	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)
Năm 2023	7.28	23%	77%	82%	76%	73%	92%	80%
Thấp nhất	6.72	7%	76%	75%	70%	68%	87%	75%
Trung vị	7.73	20%	87%	88%	83%	82%	94%	87%
Cao nhất	8.54	36%	96%	97%	95%	92%	99%	94%
Xếp hạng	54	41	61	58	58	59	50	57

Chỉ tiêu	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí (%)	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm (%)	Tỷ lệ DN phản ánh cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những những doanh nghiệp (%)	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)
Năm 2023	75%	75%	73%	14%	7%	8%	24
Thấp nhất	54%	50%	50%	1%	1%	0%	5
Trung vị	78%	77%	77%	8%	7%	7%	32
Cao nhất	93%	90%	93%	25%	20%	18%	80
Xếp hạng	41	36	44	50	31	41	14

PHỤ LỤC 4: CHỈ SỐ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với DNNVV trong nước” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển DNNVV tại địa phương” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “TTHC nhANH chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “Để dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp” lớn (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Sự ưu đãi của tỉnh cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và DN tư nhân và DN FDI) gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tôi”(%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh” (%)
Năm 2023	5.76	70%	59%	35%	35%	27%	29%	25%	33%	28%	54%	61%
Thấp nhất	4.17	64%	49%	14%	14%	15%	13%	10%	11%	10%	40%	28%
Trung vị	5.76	77%	61%	33%	36%	33%	28%	29%	33%	31%	57%	55%
Cao nhất	6.95	85%	82%	57%	54%	52%	50%	47%	53%	50%	76%	78%
Xếp hạng	32	59	23	40	31	14	34	20	33	20	25	49

PHỤ LỤC 5: CHỈ SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 8: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Thủ tục tiếp cận tín dụng cho DNNVV là dễ thực hiện (%)	Thủ tục tiếp cận hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện (%)	Thủ tục tiếp cận mặt bằng tại các KCN/CCN là dễ thực hiện (%)	Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp luật là dễ thực hiện (%)	Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường là dễ thực hiện (%)	Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện (%)	Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo nghề cho người lao động là dễ thực hiện (%)
Năm 2023	5.98	72%	62%	78%	75%	67%	60%	73%
Thấp nhất	4.56	38%	37%	30%	44%	33%	33%	33%
Trung vị	6.45	73%	75%	75%	77%	73%	74%	79%
Cao nhất	7.81	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Xếp hạng	47	35	49	26	35	46	49	42

Chỉ tiêu	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (%)	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs (%)	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)
Năm 2023	43%	88%	14%	36%	1.81%	64%
Thấp nhất	31%	0%	3%	22%	0.32%	14%
Trung vị	45%	67%	12%	64%	1.38%	85%
Cao nhất	75%	100%	25%	100%	4.15%	100%
Xếp hạng	40	5	23	57	15	52

PHỤ LỤC 6: CHỈ SỐ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 2: Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)
Năm 2023	6.43	30	0.48	20%	16%	21%	53%
Thấp nhất	5.83	10	0.21	5%	2%	7%	45%
Trung vị	6.78	30	0.41	14%	14%	18%	60%
Cao nhất	7.48	30	0.68	35%	33%	43%	74%
Xếp hạng	50	25	19	47	38	42	6

Chỉ tiêu	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết TTHC đất đai không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất nhiều thời gian (%)	Doanh nghiệp đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi của giá thị trường (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp không làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)
Năm 2023	48%	38%	1.98	13%	71%	63%	19%	70%
Thấp nhất	29%	27%	1.43	4%	56%	42%	7%	16%
Trung vị	45%	38%	1.65	25%	75%	59%	21%	74%
Cao nhất	56%	51%	2.11	52%	93%	72%	62%	100%
Xếp hạng	44	28	60	59	44	9	20	28

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 5: Chi phí không chính thức	Tỷ lệ doanh nghiệp có chi trả chi phí không chính thức (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả CPKCT (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (%)	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra an toàn phòng cháy (%)
Năm 2023	6.52	37%	39%	70%	75%	20%	0%	24%	13%
Thấp nhất	6.43	17%	23%	48%	72%	6%	0%	0%	12%
Trung vị	7.05	33%	43%	70%	86%	16%	9%	19%	20%
Cao nhất	7.90	55%	64%	82%	93%	38%	34%	50%	39%
Xếp hạng	62	41	41	34	62	48	1	45	4

Chỉ tiêu	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%)	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng (%)	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	Tỷ lệ DN chi trả CPKCT để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (%)	Chi trả “hoa hồng” là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng “chạy án” là phổ biến (%)
Năm 2023	55%	14%	41%	17%	1%	60%	34%	69%
Thấp nhất	0%	4%	7%	0%	0.00%	8%	9%	24%
Trung vị	35%	13%	24%	10%	2.54%	38%	28%	53%
Cao nhất	84%	45%	46%	31%	10.17%	64%	63%	79%
Xếp hạng	59	40	60	50	8	58	48	62

PHỤ LỤC 8: CHỈ SỐ TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 7: Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh	Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (%)	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh” (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi” (%)
Năm 2023	6.41	63%	21%	44%	76%
Thấp nhất	5.53	35%	7%	30%	73%
Trung vị	6.76	58%	20%	45%	82%
Cao nhất	7.38	80%	36%	79%	95%
Xếp hạng	46	15	34	27	60

Chỉ tiêu	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố" (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh" (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán" (%)	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình (%)
Năm 2023	67%	49%	78%	33%	71%
Thấp nhất	64%	35%	76%	17%	55%
Trung vị	77%	52%	84%	41%	74%
Cao nhất	90%	80%	94%	59%	89%
Xếp hạng	59	27	59	48	43

PHỤ LỤC 9: CHỈ SỐ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 9: Đào tạo lao động	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)
Năm 2023	5.59	42%	24%	19%	5.30	4.20
Thấp nhất	4.62	31%	16%	14%	2.00	2.46
Trung vị	5.76	58%	31%	28%	5.80	6.05
Cao nhất	7.43	78%	54%	52%	12.26	12.34
Xếp hạng	40	56	52	57	27	10

Chỉ tiêu	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (% TCTK)	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)
Năm 2023	60%	39.58	21.80	42%	63%	6.64
Thấp nhất	34%	33.17	11.93	29%	40%	5.60
Trung vị	56%	52.95	22.90	47%	63%	6.42
Cao nhất	79%	68.62	50.30	64%	83%	7.22
Xếp hạng	24	61	35	46	33	18

PHỤ LỤC 10: CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & An ninh trật tự	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biên mới năm 2021
Năm 2023	6.76	38%	87%	52%	42%	89%	83%	81%	82%	74%
Thấp nhất	6.34	24%	82%	26%	31%	85%	76%	80%	79%	62%
Trung vị	7.52	48%	91%	54%	51%	93%	88%	88%	89%	78%
Cao nhất	8.31	70%	98%	75%	73%	98%	96%	97%	95%	91%
Xếp hạng	54	52	48	37	54	57	54	58	58	52

Chỉ tiêu	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biên mới năm 2021	Phán quyết của tòa án là công bằng (% Đồng ý)	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (% TANDTC)	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% TANDTC)	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)
Năm 2023	71%	88%	0.62	82%	59%	76%	7%	70%	1%
Thấp nhất	57%	84%	0.43	25%	53%	58%	1%	33%	0%
Trung vị	73%	93%	1.62	88%	79%	78%	6%	76%	1%
Cao nhất	90%	98%	3.79	100%	100%	94%	20%	100%	2%
Xếp hạng	46	54	58	44	58	40	41	40	30

PHỤ LỤC 11
TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GỬI BÁO CÁO PHÂN TÍCH
VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ PCI TỈNH LÂM ĐỒNG
(Đến 11giờ 15 phút, ngày 04/6/2024)

TT	Sở, ngành	Số ký hiệu văn bản
1.	Thanh tra tỉnh.	Văn bản số 626/TTr-VP ngày 23/5/2024 về việc rà soát, đánh giá nội dung các chỉ số thành phần và đề ra giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong thời gian tới.
2.	Sở Thông tin và Truyền thông.	Văn bản số 630/STTTT-TTTHDL&CĐS ngày 27/5/2024 về việc phân tích đánh giá, xếp hạng các chỉ số thành phần thuộc Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023.
3.	Sở Giao thông vận tải.	Văn bản số 793/SGTVT-VP ngày 28/5/2024 về việc phân tích, làm rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
4.	Sở Công Thương.	Văn bản số 1160/SCT-KHTC ngày 29/5/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023 thuộc lĩnh vực ngành Công Thương.
5.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.	Văn bản số 289/KCN-VP ngày 30/5/2024 về việc phân tích, làm rõ nguyên nhân làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
6.	Sở Nội vụ.	Văn bản số 684/SNV-CCHC&VTLT ngày 30/5/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân làm tăng, giảm các chỉ số thành phần của Chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
7.	UBND huyện Bảo Lâm.	Văn bản số 1874/UBND-KHTC ngày 30/5/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân khách

TT	Sở, ngành	Số ký hiệu văn bản
		quan và chủ quan làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
8.	Sở Tài chính.	Văn bản số 1153/STC-VP ngày 30/5/2024 về việc phân tích kết quả chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
9.	Sở Y tế.	Văn bản số 1584/SYT-VP ngày 30/5/2024 về việc giải pháp thực hiện góp phần tăng chỉ số thành phần PCI cấp tỉnh trong năm 2024 và trong thời gian tới.
10.	Sở Xây dựng.	Văn bản số 1172/SXD-VP ngày 28/5/2024 về việc báo cáo rà soát thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chỉ số PCI.
11.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Văn bản số 853/SGDDĐT-TCHC ngày 03/6/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
12.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Báo cáo số 186/BC-SNN ngày 30/5/2024 về Báo cáo rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chỉ số PCI năm 2023 thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
13.	UBND huyện Đam Rông.	Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 31/5/2024 báo cáo phân tích, làm rõ những nguyên nhân làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023 trên địa bàn huyện Đam Rông.
14.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	Báo cáo số 109/BC-SLĐTBXH ngày 31/5/2024 Báo cáo rà soát việc thực hiện các giải pháp khắc phục chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).
15.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Văn bản số 1020 /SVHTTDL-VP ngày 31/5/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
16.	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Số: 1332/STNMT-VP ngày 31/5/2024 về việc phân tích, làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ

TT	Sở, ngành	Số ký hiệu văn bản
		quan làm giảm các chỉ số thành phần của chỉ số PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
17.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Văn bản số 719/SKHCN-VP ngày 31/5/2024 về việc rà soát, đề xuất giải pháp nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh Lâm Đồng.
18.	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Báo cáo số 204/BC-KHĐT ngày 03/6/2024 Báo cáo phân tích các chỉ số thành phần của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023; nhiệm vụ, giải pháp năm 2024 và các năm tiếp theo.
